

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tùng

Ông Bùi Hoàng Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Mộng Cẩm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 252/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ H sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Châu Văn Đ, sinh năm 1979. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 20/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H trình bày: Chị và anh Châu Văn Đ thành hôn vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long ngày 15/6/2009. Thời gian vợ chồng chung sống khoảng 10 năm lúc đầu có hạnh phúc, sau thường phát sinh mâu thuẫn do anh Đ không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, thường xuyên có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và

cắt đứt quan hệ từ tháng 4/2020 đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Về con chung, vợ chồng chị có 02 con chung tên Châu Lê Hoàng Q, sinh ngày 09/10/2009 và Châu Lê Hoàng N, sinh ngày 26/11/2014 hiện đang sống chung với chị. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung chị H không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn là anh Châu Văn Đ. Đồng thời triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hoà giải nhiều lần nhưng phía anh Đ không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên toà nhưng anh Đ vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Châu Văn Đ tại phiên toà hôm nay.

Tại biên bản xác minh ngày 25/8/2020 bà Nguyễn Thị K (mẹ ruột của anh Châu Văn Đ) trình bày: Thời gian vợ chồng chị H, anh Đ sống chung đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh nên bà không biết nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn. Hai con chung của chị H, anh Đ từ nhỏ sống chung với vợ chồng anh Đ, đến khi cháu Q vào học lớp 1, vợ chồng anh Đ gửi cháu về ngoại để đi học, anh Đ gửi chi phí cho cháu ăn học, cháu N hiện đang sống chung với chị H, cháu được chăm sóc chu đáo, cho học hành đầy đủ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện cơ bản đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

-Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến, không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa là không tuân thủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Lê Thị Mỹ H được ly hôn với anh Châu Văn Đ.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung là Châu Lê Hoàng Q, sinh ngày 09/10/2009 và Châu Lê Hoàng N, sinh ngày 26/11/2014 cho chị Lê Thị Mỹ H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Châu Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỹ H có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh Châu Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Châu Văn Đ thành hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long ngày 15/6/2009 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Quá trình chung sống, chị Lê Thị Mỹ H trình bày vợ chồng sống chung phát sinh mâu thuẫn do anh Đ không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, không phụ chi phí nuôi con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và cắt đứt quan hệ từ tháng 04/2020 đến nay. Mặc khác, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập nguyên đơn, bị đơn đến tham gia hòa giải nhằm giúp đỡ chị H, anh Đ đoàn tụ nhưng chị H có văn bản đề nghị vắng mặt và anh Đ vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, chị H, anh Đ không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Giữa chị Lê Thị Mỹ H và anh Châu Văn Đ có 02 con chung tên Châu Lê Hoàng Q, sinh ngày 09/10/2009 và Châu Lê Hoàng N, sinh ngày 26/11/2014 hiện đang sống chung với chị H. Cháu Q có văn bản trình bày ý kiến muốn tiếp tục sống chung với mẹ và anh Đ cũng không có ý kiến về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy để ổn định cuộc sống, tinh thần và theo nguyện vọng của con chung từ 07 tuổi trở lên, cần giao con chung là Châu Lê Hoàng Q, sinh ngày 09/10/2009 và Châu Lê Hoàng N, sinh ngày 26/11/2014 cho chị Lê Thị Mỹ H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị Lê Thị Mỹ H là người đang trực tiếp nuôi con nhưng chị H không

yêu cầu anh Châu Văn Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Mỹ H ly hôn với anh Châu Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Châu Lê Hoàng Q, sinh ngày 09/10/2009 và Châu Lê Hoàng N, sinh ngày 26/11/2014 cho chị Lê Thị Mỹ H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Châu Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0016282 ngày 20/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị H đã nộp đủ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã T1;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga